

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19-8-2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và ông Lê Việt Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Chu Thị H**, sinh năm 1990.

ĐKHKTT: thôn M, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: thôn I, xã B, huyện An Lão, TP Hải Phòng

- Bị đơn: Anh **Phạm Khắc N**, sinh năm 1990;

ĐKHKTT: thôn M, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Chu Thị H trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Khắc N kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 09/12/2011. Sau khi kết hôn, chị và anh N sinh sống tại thôn M, xã Q, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, có nhiều bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, bên cạnh đó anh N không chung thủy trong quan hệ vợ chồng và không quan tâm đến gia đình, mọi lo toan đều do chị gánh vác, chính vì vậy mà vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều lần anh N gây sự, chửi đánh chị. Từ năm 2018 đến năm 2020, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng vợ chồng không ngủ chung, không quan tâm gì đến nhau. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đầu năm 2021,

chị đã gửi đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết, Toà án đã động viên, khuyên giải, anh N đã tự nhận lỗi và hứa sẽ sửa chữa khuyết điểm, mong chị suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nuôi dạy con chung nên chị đã rút đơn và Toà án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau khi quay về chung sống, vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn, anh N tiếp tục chửi bới, đe dọa, đánh đuổi chị. Chính vì vậy, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 27/12/2012 và cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 12/8/2018. Cháu N có nguyện vọng ở cùng với bố, cháu Đ còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, chị xin được nuôi dưỡng cháu Phạm Hải Đ để anh N nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Bảo N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trước đây chị làm công nhân tại Công ty R tại huyện Tứ Kỳ, sau khi chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, chị đã xin việc tại công ty A ở quận Lê Chân, TP Hải Phòng, mức lương thử việc là 10.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh N có tài sản chung, có vay nợ nhưng chị và anh Nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Phạm Khắc N trình bày:*

+ Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị H đã trình bày là đúng, sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại địa phương. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm, bên cạnh đó chị H không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, có người đàn ông khác và luôn tỏ thái độ thách thức anh, tình cảm vợ chồng luôn căng thẳng, không ai quan tâm đến ai. Tháng 4/2021, chị H đã gửi đơn đề nghị Toà án giải quyết về ly hôn và con chung. Quá trình giải quyết, Toà án đã hoà giải, phân tích, anh và chị H đều nhận ra sai trái của mình, vì các con còn nhỏ nên anh chị đã thống nhất đoàn tụ với nhau, chị H đã rút đơn, Toà án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau khi về đoàn tụ, chị H vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi mà vẫn tiếp tục có lối sống không chung thủy, vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, to tiếng, trong lúc nóng giận, bức tức anh có đánh chị H, từ đó chị H về nhà bố mẹ đẻ ở, quãng thời gian đó, anh và gia đình có sang nói chuyện và tìm nhưng chị H cương quyết không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể kéo dài được nữa, chị H xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị H.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị H đã trình bày là đúng, các cháu tên là Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 27/12/2012 và cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 12/8/2018 hiện đang ở với anh và ông bà nội. Anh xin được nuôi dưỡng hai con chung vì anh không muốn các con phải xa nhau và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng

nuôi con. Hiện anh làm nhân viên kinh doanh của văn phòng đại diện của Công ty K ở TP hải Dương, mức thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: anh N xác nhận vợ chồng có tài sản chung, nợ chung như chị H đã trình bày là đúng, tuy nhiên anh và chị H tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kết quả làm việc với ông Phạm Khắc Đ và bà Phạm Thị L (là bố mẹ đẻ anh N) xác định: Anh N và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N cũng như việc chị H làm đơn xin ly hôn anh N thì ông bà mới biết, ông bà cũng đã khuyên bảo anh chị ấy hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị H không nghe, còn tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, ông bà cũng như anh N đã sang để gặp chị H cũng như bố mẹ đẻ chị H để nói chuyện nhưng chị H nhất định không về đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn anh N, ông bà xác định đây là chuyện tình cảm vợ chồng của anh chị ấy nên anh chị ấy tự quyết định. Anh N, chị H có hai con chung như anh chị đã trình bày là đúng. Chị H và anh N đều đi làm công ty từ sáng đến tối mới về nên việc cho các cháu ăn ngủ, bà đều làm giúp anh chị ấy, trường hợp anh chị ly hôn, đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh N nuôi dưỡng, vì chị H bỏ đi, thiếu sự quan tâm đến các con, các cháu ở với anh N và ông bà đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Ông bà nhất trí sẽ hỗ trợ anh N trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung với những điều kiện tốt nhất.

Bà Phan Thị T (mẹ đẻ chị H) trình bày: chị H, anh N qua thời gian tự do tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, sau đó chị H đã bỏ về nhà ở cùng gia đình bà. Ông bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị H có trao đổi với bà là không thể tiếp tục chung sống với anh N được nữa nên mới khởi kiện xin ly hôn anh N. Anh N, chị H có 02 con chung như anh chị đã trình bày là đúng, trường hợp chị H được nuôi dưỡng cháu Phạm Hải Đ, ông bà nhất trí tạo điều kiện cho mẹ con chị H chỗ ăn ở đảm bảo sinh hoạt và hỗ trợ chị H trong việc chăm sóc con với những điều kiện tốt nhất.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã Q, đại diện cán bộ lao động thương binh xã hội xã Q và Trưởng thôn M, xã Q đều được cung cấp: Anh N và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay chị H xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Anh N, chị H có 02 con chung là Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 27/12/2012 và cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 12/8/2018 đang ở với anh N và ông bà nội. Do anh N đi làm công ty nên việc chăm sóc các con có mẹ đẻ anh N là bà Phạm Thị L giúp đỡ, các cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về con chung đảm bảo quyền lợi cho các con chung, tránh bị ảnh hưởng đến tâm lý cũng như sự phát triển của các con chung.

Tại phiên toà, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh N và xin được nuôi dưỡng con chung như đã trình bày. Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn chị H và xin được nuôi dưỡng hai con chung như đã trình bày:

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị H và anh Phạm Khắc N; Về con chung: Giao cho chị Chu Thị H được nuôi dưỡng con chung Phạm Hải Đ, sinh ngày 12/8/2018 và giao cho anh Phạm Khắc N nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 27/12/2012 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị H, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: chị H, anh N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Chu Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Chu Thị H và anh Phạm Khắc N kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ ngày 09/12/2011 là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Cả chị H và anh N đều thừa nhận và xác định: Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người có một quan điểm trái ngược nhau, ngoài ra anh chị còn nghi ngờ nhau về lối sống không chung thủy. Cũng chính vì vậy mà vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, đánh nhau. Tháng 4/2021, chị H đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án, sau khi được hòa giải, anh chị đã về đoàn tụ, tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện theo chiều hướng tốt lên mà tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, trong lúc bức tức, anh N có đánh chị H. Từ tháng 06/2021, chị H đã về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình làm việc với Tòa án và tại phiên toà, anh N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh nhất trí. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh N là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 27/12/2012 và cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 12/8/2018, hiện cả hai con đang ở với anh N. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của chị H, anh N đều chính đáng, xuất phát từ tình cảm của cha mẹ đối với con. Tuy nhiên, để xem xét giao con cho ai nuôi dưỡng, cần xem xét một cách khách quan, toàn diện, tất cả vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả chị H và anh N đều có việc làm và có thu nhập, anh N có nhà riêng, còn chị H được gia đình tạo điều kiện về chỗ ở để nuôi con và điều kiện nuôi con là như nhau. Đối với cháu N đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với bố, chị H cũng nhất trí để anh N nuôi cháu N. Đối với cháu Đ tính đến ngày xét xử mới được 36 tháng 7 ngày tuổi vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn; chị H hiện làm công nhân, có mức lương 10.000.000 đồng/tháng và đang ở chung với bố mẹ đẻ tại xã B, huyện An Lão, TP Hải Phòng. Bà Phan Thị T (mẹ đẻ chị H) cam kết ông bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ chị H chăm sóc con chung với những điều kiện tốt nhất. Trong khi đó anh N cũng xác định anh hay phải đi công tác trên Hà Nội, nếu phải nuôi cả hai con chung sẽ rất vất vả và khó đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho các con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của các con chung, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Hải Đ và giao cho anh N nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Bảo N là phù hợp, anh N cũng có thời gian quan tâm, chăm sóc cháu N để cháu có điều kiện học tập, phát triển tốt hơn. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị H, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị H khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị H và anh Phạm Khắc N

2. Về con chung: Giao cho chị Chu Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Hải Đ, sinh ngày 12/8/2018 và giao cho anh Phạm Khắc N nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 27/12/2012 cho đến khi các con chung trưởng thành

(đủ 18 tuổi), (hiện cả hai con đang ở với anh N). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị H, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0010109 ngày 22/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
 - Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
 - UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ;
 - Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;
- ỘI THẨM NHÂN DÂN**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân